

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty CP 28 Đà Nẵng
Năm báo cáo: năm 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN 28 ĐÀ NẴNG
- Tên giao dịch tiếng Anh: 28 DANANG JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400709400 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/01/2009 và thay đổi lần thứ 5 ngày 18/01/2018.
- Vốn điều lệ: 15.443.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.443.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 67 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Số điện thoại: 0236 3618383
- Số fax: 0236 3615036
- Website: www.agtexdanang.com.vn.

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần 28 Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định số 593/2000/QĐ-BQP ngày 12 tháng 5 năm 2000 của Bộ Quốc phòng. Tiền thân là cơ sở 2 của Xí nghiệp 27/7, được thành lập ngày 5/3/1996, đóng tại 67 Duy Tân, Phường Hòa Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Sau khi bàn giao về Công ty 28, ngày 3 tháng 7 năm 1999, Giám đốc Công ty 28 ra Quyết định số 837/KHTH kiện toàn thành cơ quan đại diện là Chi nhánh Công ty 28 tại Đà Nẵng trên cơ sở toàn bộ quân số, trang thiết bị, nhà xưởng của cơ sở 2 Xí nghiệp 27/7. Cơ quan đại diện có nhiệm vụ đại diện cho Công ty tại khu vực Miền Trung, tổ chức quảng bá giới thiệu sản phẩm của Công ty theo yêu cầu kế hoạch và tham gia sản xuất hàng xuất khẩu.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và Quân đội về sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp quân đội để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD, thúc đẩy nền kinh tế phát triển, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới và thực hiện mục tiêu CNH-HĐH đất nước. Ngày 01/01/2009 Chi nhánh Công ty 28 tại Đà Nẵng được cổ phần hóa và đổi

tên thành Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng theo quyết định số 819/QĐ-BQP ngày 8/4/2008 và quyết định số 1653/QĐ-BQP ngày 12/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất kinh doanh hàng may mặc, phụ tùng thiết bị ngành may với vốn tổng vốn điều lệ: 15.443.000.000 đồng trong đó vốn nhà nước chiếm 84,75%.

Đến nay, Công ty CP 28 Đà Nẵng có tổng quân số 815 người với 2 Phân xưởng may, 1 phân xưởng cắt và 4 phòng nghiệp vụ. Là đơn vị trước đây sản xuất hàng Quốc phòng thì đến nay đã chuyển sang sản xuất hàng xuất khẩu là chủ yếu với thị trường chính là EU và Mỹ.

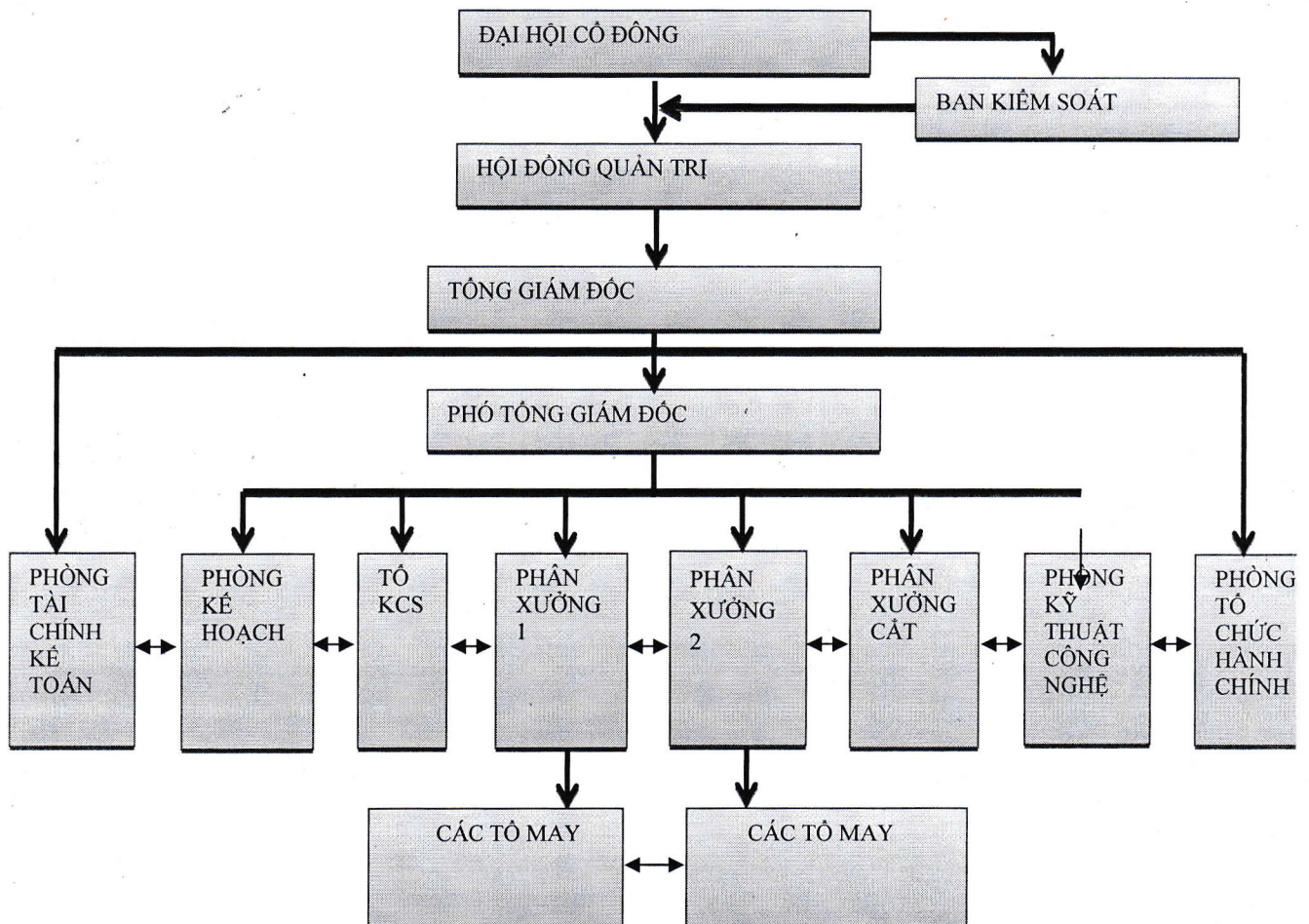
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc, phụ tùng thiết bị ngành may, kinh doanh bao bì và nguyên phụ liệu ngành may. Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho, xưởng, bãi đậu xe.

- Địa bàn kinh doanh: thị trường chính là EU và Mỹ, trong đó EU chiếm 70%, nội địa và các thị trường khác chiếm 30%.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Sơ đồ tổ chức



3.2 Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban, cơ quan công ty

- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty được Luật pháp quy định và Điều lệ Công ty quy định.

- Hội đồng Quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có nhiệm vụ nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- Ban Kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm vụ, kiểm tra giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính của Công ty, việc chấp hành Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của Luật doanh nghiệp. Chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

- Tổng Giám đốc: Là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch, phù hợp với Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao.

- Phó Tổng Giám đốc: Giúp Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Các Phòng (ban) chuyên môn nghiệp vụ: có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, bao gồm: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng kế hoạch, Phòng Kỹ thuật công nghệ, Phòng Tài chính – Kế toán, Phân xưởng cắt, Phân xưởng may 1, 2.

3.3 Nguyên tắc hoạt động

- Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần 28 Đà Nẵng làm việc theo chế độ một người chỉ huy, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ quy định của Pháp luật, quy định của Quân đội, điều lệ Công ty, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008, SA8000:2014, WRAP, CTPACT và quy chế quản lý của Công ty.

109406
C TY
I AN
V G
Đ A

- Thực hiện việc phân công và uỷ quyền rõ ràng giữa các thành viên Ban Tổng Giám đốc theo nguyên tắc một người có thể làm nhiều việc nhưng mỗi việc chỉ có 1 người phụ trách và chịu trách nhiệm chính.

- Các Phòng trong Công ty là các đơn vị tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác quản lý điều hành Công ty theo các chuyên môn được giao.

- Các Phân xưởng trong Công ty là các đơn vị trực tiếp tổ chức cho người lao động sản xuất theo các kế hoạch đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt.

- Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban và các Phân xưởng giải quyết công việc phải đảm bảo đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả và đảm bảo sự phối hợp, trao đổi thông tin kịp thời trong quá trình giải quyết công việc.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Công ty CP 28 Đà Nẵng luôn theo đuổi mục tiêu chuyên môn hóa sản xuất, tìm kiếm các khách hàng, nhãn hàng nổi tiếng trên thế giới để sản xuất.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Duy trì vị trí dẫn đầu và thế mạnh cạnh tranh bằng những sản phẩm, dịch vụ đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao; xây dựng mối quan hệ lâu dài, uy tín, chuyên nghiệp với khách hàng, đối tác.

- Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Chất lượng sản phẩm và dịch vụ quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp; Gia tăng giá trị cho xã hội, khách hàng, người lao động và cổ đông là mục tiêu và động lực của sự phát triển bền vững; Lao động sáng tạo là nền tảng của sự phát triển; Quan hệ hợp tác, chia sẻ, cam kết và thực hiện cam kết là nền tảng văn hóa doanh nghiệp.

5. Các rủi ro:

- Ngành dệt may chuyển biến theo chiều hướng khó khăn do khách hàng chuyển dịch nguồn hàng sang một số nước có ưu thế hơn về thuế quan. Điều này đã tác động đến nguồn hàng, giá cả và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, nhất là khu vực Miền Trung.

- Nguồn lao động mới tuyển dụng tay nghề chưa đáp ứng so với yêu cầu sản phẩm chất lượng cao đã ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm và chi phí (bù lương hàng tháng).

- Xu thế hàng thời trang, số lượng nhỏ lẻ, chất liệu khó may, thêu, in, wash nhiều đã tác động đến công tác tổ chức sản xuất và năng suất lao động.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình tài chính

(ĐVT: Triệu đồng)

| Nội dung | Cùng kỳ năm 2015 | Cùng kỳ năm 2016 | Thực hiện năm 2017 | | Biến động so với (tỷ lệ %) | | |
|---|------------------|------------------|--------------------|---------------|----------------------------|------------------|--------------|
| | | | Kế hoạch năm | Thực hiện năm | Cùng kỳ năm 2015 | Cùng kỳ năm 2016 | Kế hoạch năm |
| | [1] | [2] | [3] | [4] | [5]=[4]/[1] | [6]=[4]/[2] | [7]=[4]/[3] |
| A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh | | | | | | | |
| 1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu | 2.230.284 | 2.568.566 | 3.276.000 | 3.144.737 | 141,0 | 122,4 | 96,0 |
| 2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu | 2.219.763 | 2.330.164 | 3.238.586 | 2.866.421 | 129,1 | 123,0 | 88,0 |
| 3. Tồn kho cuối kỳ | 41.295 | 57.005 | 191.366 | 79.051 | 191,4 | 138,7 | 41,0 |
| B. Chỉ tiêu tài chính | | | | | | | |
| 1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 280.072 | 285.967 | 329.500 | 303.477 | 108,4 | 106,1 | 92,0 |
| 2. Giá vốn hàng bán | 264.416 | 268.399 | 298.865 | 286.179 | 108,2 | 106,6 | 95,0 |
| 3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 15.656 | 17.568 | 30.635 | 17.298 | 110,5 | 98,5 | 56,0 |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 1.475 | 832 | 808 | 744 | 50,4 | 89,4 | 92,0 |
| 5. Chi phí tài chính | 3.583 | 2.384 | 1.887 | 1.738 | 48,5 | 72,9 | 92,0 |
| 6. Chi phí bán hàng | 2.813 | 3.149 | 3.590 | 2.682 | 95,3 | 85,2 | 74,0 |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 11.174 | 13.412 | 18.965 | 15.711 | 140,6 | 117,1 | 82,0 |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (439) | (545) | 7.000 | (2.089) | 475,9 | 383,3 | (29,8) |
| 9. Thu nhập khác | 846 | 128 | 344 | 374 | 44,2 | 292,2 | 108,0 |
| 10. Chi phí khác | 543 | 12 | 345 | 366 | 67,4 | 3.050,0 | 106,0 |
| 11. Lợi nhuận khác | 302 | 116 | (1) | 8 | 2,6 | 6,9 | (800,0) |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (137) | (429) | 7.000 | (2.081) | | | |
| 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.262 | 1.329 | 1.320 | 279 | | | |
| 14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | - | - | - | - | | | |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN | (1.399) | (1.758) | 5.680 | (2.360) | | | |

Năm 2017 nguồn hàng BHLĐ và hàng đồng phục y tế giảm, công ty đã tìm kiếm thêm nguồn hàng áo sơ mi của khách hàng Primark để bù đắp nguồn hàng sản xuất và đảm bảo việc làm cho người lao động; bố trí lại sản xuất phù hợp với năng lực hiện có và cả khi có sự thay đổi mặt hàng, nguồn hàng chuyển từ FOB sang CM.

Tích cực triển khai sản xuất tinh gọn ở tất cả các bộ phận, các công đoạn trong quá trình sản xuất, triển khai lean văn phòng để nâng cao chất lượng quản lý, điều hành sản xuất. Đã kiện toàn lại đội ngũ Lean nghiên cứu, rãi chuyên theo hướng chuyên môn hoá mặt hàng, thời gian rãi chuyên ngắn, chuyên đổi sản xuất nhanh. Duy trì cân bằng chuyên, đo năng lực, cải tiến, loại bỏ thao tác thừa trên chuyên. Đã đầu tư bổ sung máy móc thiết bị theo kế hoạch đã được

Chủ tịch HĐQT phê duyệt đầu năm.

Tích cực triển khai kế hoạch tuyển dụng công nhân mới, tuyển dụng thường xuyên để bổ sung nguồn lao động cho các chuyên sản xuất. Xây dựng phương án lương, thưởng năm 2017 đảm bảo khuyến khích người lao động. Thực hiện công tác quản lý nhân sự ngày giờ công, tiền lương, sản phẩm có sự giám sát của đại diện người lao động. Triển khai các biện pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất ở các đơn vị, bộ phận.

Năm 2017, Công ty gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nguồn hàng có lúc không đủ cho sản xuất, phải nhận hàng gia công. Bên cạnh đó, Công ty điều chỉnh lại một số chỉ tiêu doanh thu, giá vốn từ năm 2012 đến 2016 do ghi nhận không đúng niên độ dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh từ năm 2017 của Công ty bị lỗ.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

| TT | Họ và Tên | Năm sinh | Địa chỉ | Chức vụ | Cổ phần sở hữu/đại diện | | | |
|----|------------------|----------|--|------------------------|-------------------------|----------|---------|----------|
| | | | | | Cá nhân | Đại diện | Cộng | % vốn ĐL |
| 1 | Hồ Anh Thứ | 1975 | 72 Hoàng Xuân Nhị, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng | CTHĐQT | 700 | 720.640 | 721.340 | 46,7 |
| 2 | Hồ Thanh Thủy | 1983 | 147 Huỳnh Thúc Kháng, Q. Hải Châu, Đà Nẵng | Phó CTHĐQT Kiêm TGD | 200 | 392.840 | 393.040 | 25,5 |
| 3 | Nguyễn Hồng Minh | 1979 | Tổ 13, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng | Ủy Viên | 1.100 | 197.420 | 198.520 | 12,9 |

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 815 người, trong năm 2017 công ty ổn định chính sách đối với người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

| STT | TÊN TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | NGUYÊN GIÁ |
|-----|---------------------------|----------|----------------------|
| 1 | Máy móc thiết bị, dụng cụ | 24 | 2.287.300.000 |
| | TỔNG CỘNG | | 2.287.300.000 |

- Công ty đã thực hiện đầu tư theo đúng quy định, quy chế đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định,... được Chủ tịch HĐQT phê duyệt với tổng chi phí đầu tư máy móc thiết bị hơn 2 tỷ đồng và đưa vào khai thác, sử dụng đáp ứng kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | So với cùng kỳ |
|----------|----------|----------|----------------|
|----------|----------|----------|----------------|

| | | | |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|--------|
| Tổng giá trị tài sản | 118.605.870.772 | 79.119.510.274 | 66,7% |
| Doanh thu thuần | 285.967.373.613 | 303.477.060.119 | 106,1% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (545.194.107) | (2.088.715.822) | |
| Lợi nhuận khác | 116.685.955 | 8.073.316 | 6,9% |
| Lợi nhuận trước thuế | (428.508.152) | (2.080.642.506) | |
| Lợi nhuận sau thuế | (1.757.895.777) | (2.360.061.373) | |

Cơ cấu tài sản: Tổng tài sản bằng 66,7% so với thực hiện cùng kỳ năm 2016, do Công ty điều chỉnh hồi tố các chỉ tiêu doanh thu, giá vốn nên các chỉ tiêu hàng tồn kho, khoản phải thu trong năm 2017 giảm.

Doanh thu thuần năm 2017 tăng 106% so với cùng kỳ. Tuy nhiên trong năm 2017, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng hàng tồn kho, các khoản công nợ phải thu khó đòi, và xử lý các vấn đề tài chính còn tồn đọng từ năm 2012 – 2016 với tổng chi phí là 6,2 tỷ đồng, cho nên năm 2017 Công ty bị lỗ là : 2,080 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn chủ của Công ty chủ yếu là nguồn vốn vay và chiếm dụng của khách hàng.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | 1,40 | 1,45 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn | 0,85 | 0,88 | |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,98 | 1,03 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 54,17 | (32,93) | |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | | | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 5,3 | 10,03 | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 2,61 | 3,07 | |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |

| | | | |
|--|----------|----------|--|
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | (0,0061) | (0,0078) | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | (29,24) | 1.440,37 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | (1,19) | (1,9) | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần 1.544.300 cổ phần phổ thông, trong đó số cổ phần hạn chế chuyển nhượng là: 3.200 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Đơn vị tính giá trị: 1000 VNĐ

| Danh mục | Cổ đông trong nước | | | Cổ đông nước ngoài | | | Tổng | | |
|---|--------------------|------------|-----------|--------------------|---------|-----------|-------------------|------------|-----------|
| | Số lượng cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Số lượng Cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Số lượng Cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) |
| 1. Cổ đông Nhà nước: | 1.308.800 | 13.088.000 | 84,75 | | | | 1.308.800 | 13.088.000 | 84,75 |
| 2. Cổ đông nội bộ: (Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng) | 3.500 | 35.000 | 0,23 | | | | 3.500 | 35.000 | 0,23 |
| 3. Cổ đông trong công ty: | 65.645 | 656.450 | 4,25 | | | | 65.645 | 656.450 | 4,25 |
| Cổ phiếu quỹ | | | | | | | | | |
| Cán bộ công nhân viên | 65.645 | 656.450 | 4,25 | | | | 65.645 | 656.450 | 4,25 |
| 4. Cổ đông ngoài công ty: | 166.355 | 1.663.550 | 10,77 | | | | 166.355 | 1.663.550 | 10,77 |
| Cá nhân | 56.155 | 561.550 | 3,63 | | | | 56.155 | 561.550 | 3,63 |
| Tổ chức | 110.200 | 1.102.000 | 7,14 | | | | 110.200 | 1.102.000 | 7,14 |

| Danh mục | Cổ đông trong nước | | | Cổ đông nước ngoài | | | Tổng | | |
|---|--------------------|------------|-----------|--------------------|---------|-----------|-------------------|------------|-----------|
| | Số lượng cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Số lượng Cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Số lượng Cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) |
| Cổ đông sáng lập | | | | | | | | | |
| Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 1.419.000 | 14.190.000 | 91,89 | | | | 1.419.000 | 14.190.000 | 91,87 |

| | | | | | | | | | |
|--|---------|-----------|------|--|--|--|---------|-----------|------|
| Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 125.300 | 1.253.000 | 8,11 | | | | 125.300 | 1.253.000 | 8,11 |
|--|---------|-----------|------|--|--|--|---------|-----------|------|

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

| Số TT | Nguyên nhiên liệu sử dụng | Đơn vị tính | Số lượng |
|-------|---------------------------|-------------|------------|
| 1 | Vải các loại | Mét | 4.867.948 |
| 2 | Chỉ may | Cuộn | 128.943 |
| 3 | Nhãn | Cái | 25.324.594 |
| 4 | Nút các loại | Cái | 14.738.543 |
| 5 | Thẻ bài, sổ giấy | Cái | 4.221.180 |
| 6 | Thun | Mét | 1.479.885 |
| 7 | Móc treo +kẹp size | Cái | 673.747 |
| 8 | Băng nhám | Mét | 183.024 |
| 9 | Dây dệt các loại | Mét | 958.646 |
| 10 | Dây kéo các loại | Cái | 1.447.785 |
| 11 | Củi | Khối | 3.155 |
| 12 | Dầu máy | Lít | 209 |
| 13 | Thùng carton | Cái | 158.970 |
| 14 | Băng keo | Cuộn | 4.427 |

6.2. Tiêu thụ nước: Nguồn nước được mua từ Công ty Cổ phần cấp nước Đà Nẵng. Lượng nước tiêu thụ năm 2017 là 10.307m³, chủ yếu sử dụng cho mục đích sinh hoạt, lò hơi.

6.3. Tiêu thụ điện: Nguồn điện sử dụng là mạng lưới điện Quốc gia do Công ty Điện lực Đà Nẵng cung cấp. Lượng điện tiêu thụ năm 2017 là 613.649 Kwh

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công tác bảo vệ môi trường luôn được quan tâm và thực hiện tốt từ việc quản lý các nguồn thải trong Công ty đến công tác quản lý chất thải công nghiệp và xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Quân số đến ngày 31/12/2017. Tổng số: 865 người. Trong đó:

- Ban Tổng giám đốc : 2 người

- Trưởng phòng : 4 người
- Quản đốc : 3 người
- Phó phòng : 3 người
- Phó Quản đốc : 1 người
- Trợ lý : 1 người
- KCS : 36 người
- Nhân viên : 57 người
- Gián tiếp sản xuất : 44 người
- Công nhân : 714 người

Hội đồng quản trị: 3 người

Ban kiểm soát: 3 người

- Tiền lương:

- + Tổng Thu nhập : 67.602.931.321 đ
- Trong đó từ quỹ tiền lương: 60.770.000.000 đ
- + Thu nhập bình quân : 6.912.365 đ/người/tháng
- Từ quỹ lương : 6.213.718 đ/người/tháng
- Từ thu nhập khác : 698.647 đ/người/tháng

- Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động, duy trì và thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động như: Thưởng chuyên cần, hỗ trợ lương đối với chuyên sản xuất hàng khó, hàng có số lượng nhỏ, đối với công nhân mới. Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm công tác thi nâng bậc, xét nâng lương, lương bậc, chuyển ngạch, chuyển nhóm theo đúng các quy định của Nhà nước. Bảo đảm thường xuyên việc làm cho người lao động, không để phát sinh trả lương chờ việc.

- Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2017 đạt 6.912.365 đồng/người/ tháng đạt 94% so với kế hoạch, đạt 99% so với cùng kỳ năm 2016. Thực hiện đúng quy định về công tác đảm bảo an toàn lao động, cấp phát đầy đủ, kịp thời trang thiết bị bảo hộ lao động cho từng người lao động. Thực hiện đúng quy định về công tác đảm bảo an toàn lao động, cấp phát đầy đủ, kịp thời trang thiết bị bảo hộ lao động cho từng người lao động. Trong năm, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động và tranh chấp về lao động. Chính sách tiền lương cho người quản lý điều hành Công ty được thực hiện theo phương án lương chung toàn Công ty.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty chấp hành nghiêm các chính sách về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ đúng theo Luật lao động và Luật BHXH. Đảm bảo 100% lao động ký hợp đồng lao động được đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ đầy đủ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

| TT | ĐỐI TƯỢNG | Số người | Số giờ đào tạo | |
|----|--|----------|----------------|----------|
| | | | Giờ/người | Tổng giờ |
| 1 | Huấn luyện Sơ cấp cứu + ATVSLĐ cho ATVSV | 25 | 8 | 200 |

| | | | | |
|-------------|--|--------------|------------|---------------|
| 2 | Huấn luyện kiến thức ATVSLĐ cho người lao động | 815 | 2 | 1.630 |
| 3 | Diễn tập phương án chữa cháy cứu hộ với LL chữa cháy chuyên nghiệp | 815 | 0.5 | 407,5 |
| 4 | Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân tay nghề yếu | 62 | 8 | 496 |
| 5 | Đào tạo tay nghề cho công nhân mới tuyển dụng | 110 | 48 | 5.280 |
| 6 | Đào tạo nâng cấp phương pháp quản lý sản xuất tinh gọn (lean) | 54 | 56 | 3.024 |
| Cộng | | 2.205 | 700 | 77.198 |

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

- Tổng Doanh thu đạt 305 tỷ bằng 92% kế hoạch và bằng 106% so với cùng kỳ 2016;

- Giá trị GCCB trong xưởng đạt 95,97 tỷ bằng 85% KH và bằng 102% so với cùng kỳ 2016;

- Năng suất lao động bình quân đạt 9.787.734đ/người/tháng bằng 93% kế hoạch và bằng 102% so với cùng kỳ 2016;

- Thu nhập bình quân đạt 6.912.365đ/người/tháng bằng 94% kế hoạch và bằng 99% so với cùng kỳ 2016;

- Lợi nhuận đạt (2,360) tỷ.

- Nộp ngân sách 14,213 tỷ bằng 90% kế hoạch và bằng 96,4% so với cùng kỳ 2016.

- Năm 2017 nguồn hàng BHLĐ và hàng đồng phục y tế giảm, công ty đã tìm kiếm thêm nguồn hàng áo sơ mi của khách hàng Primark để bù đắp nguồn hàng sản xuất và đảm bảo việc làm cho người lao động; bố trí lại sản xuất phù hợp với năng lực hiện có và cả khi có sự thay đổi mặt hàng, nguồn hàng chuyển từ FOB sang CM.

- Tích cực triển khai sản xuất tinh gọn ở tất cả các bộ phận, các công đoạn trong quá trình sản xuất, triển khai lean văn phòng để nâng cao chất lượng quản lý, điều hành sản xuất.

- Đã kiện toàn lại đội ngũ Lean nghiên cứu, rãi chuyên theo hướng chuyên môn hoá mặt hàng, thời gian rãi chuyên ngắn, chuyển đổi sản xuất nhanh. Duy trì cân bằng chuyên, đo năng lực, cải tiến, loại bỏ thao tác thừa trên chuyên.

- Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị theo kế hoạch đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt đầu năm.

- Tích cực triển khai kế hoạch tuyển dụng công nhân mới, tuyển dụng thường xuyên để bổ sung nguồn lao động cho các chuyên sản xuất.

- Xây dựng phương án lương, thưởng năm 2017 đảm bảo khuyến khích người lao động. Thực hiện công tác quản lý nhân sự ngày giờ công, tiền lương, sản phẩm có sự giám sát của đại diện người lao động.

- Triển khai các biện pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất ở các đơn vị, bộ

phần.

- Thực hiện rà soát lại các doanh thu, chi phí nguyên phụ liệu, tiền lương,... xác định lại kết quả sản xuất kinh doanh từ năm 2013 đến 2017.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)

| Chỉ số | Năm 2015 | Năm 2016 | Thực hiện năm 2017 | | Biến động so với (tỷ lệ %) | | |
|--|----------|----------|--------------------|-----------|----------------------------|--------------|-------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Cùng kỳ 2015 | Cùng kỳ 2016 | KH năm 2017 |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4/1 | 6=4/2 | 7=4/3 |
| Tỷ suất lợi nhuận / Tổng tài sản (ROA) | (0,17)% | (1,51)% | 3,84 | (0)% | | | |

Tỷ suất lợi nhuận / Tổng tài sản (ROA) năm 2017 bằng 0. Điều này cho thấy việc sử dụng tài sản của Công ty là không có hiệu quả.

Tình hình tồn kho các loại

| Tồn kho | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | % 2017/2016 | % 2017/2015 |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-------------|-------------|
| | 1 | 2 | 3 | 4=3/2 | 5=3/1 |
| - Hàng mua đang đi đường | | | | | |
| - Nguyên liệu chính | 10.467.286.516 | 4.468.862.501 | 11.364.515.147 | 254,3 | 108,6 |
| - Vật liệu phụ | 5.125.748.738 | 2.550.235.619 | 5.367.522.882 | 210,5 | 104,7 |
| - Nhiên liệu | 249.999 | | 477.273 | | 190,8 |
| - Phụ tùng thay thế | 5.687.620 | 21.720.569 | 21.320.134 | 98,2 | 374,9 |
| - Bao bì | 155.852.516 | 58.221.213 | 180.993.318 | 310,9 | 161,1 |
| - CCDC | 39.897.608 | 8.370.637 | 20.384.799 | 243,5 | 51,1 |
| - Chi phí sản phẩm dở dang | 1.404.047.547 | 23.773.342 | 3.977.059.994 | 165,7 | 283,3 |
| - Thành phẩm | 26.806.435.825 | 48.453.361.019 | 6.891.352.910 | 14,2 | 25,7 |
| - Hàng hóa | 29.182.000 | 17.762.000 | 14.712.000 | 82,8 | 50,4 |
| - Hàng gửi bán | 1.499.044.766 | 114.554.618 | | | |
| Tổng cộng | 45.533.433.135 | 55.716.861.518 | 27.838.338.457 | 50,0 | 61,1 |

Lượng tồn kho nguyên phụ liệu cuối năm 2017 tăng so với cùng kỳ, bằng 254% so với năm 2016, bằng 108% so với năm 2015. Do tại thời điểm tháng 12

Công ty nhập nguyên phụ liệu dự trữ phục vụ các đơn hàng để phục vụ sản xuất trong tháng 1, 2/2018.

Ngoài ra việc tìm kiếm và nhập khẩu nguyên phụ liệu ngành may đang gặp rất nhiều khó khăn do có sự tranh mua nguyên liệu từ các nước chuyên gia công hàng may mặc xuất khẩu, các nhà cung cấp cũng lợi dụng việc khan hiếm nguồn nguyên phụ liệu để cố tình trì hoãn việc giao hàng nhằm đẩy giá tăng lên. Ngoài ra trong năm 2017, ngành dệt may là một trong những ngành chịu ảnh hưởng lớn từ tăng trưởng kinh tế (nhu cầu may mặc phụ thuộc rất nhiều vào thu nhập của người tiêu dùng), tăng trưởng toàn cầu đang có xu hướng chậm lại, do vậy việc tiêu thụ chậm làm hàng tồn kho tăng cao.

Tổng giá trị tồn kho thực hiện năm 2017 là 27.838.338.457 đồng, bằng 50% so với thực hiện năm 2016 và bằng 61,1% so với thực hiện năm 2015. Lượng hàng tồn kho cuối năm giảm do trong năm 2017, Công ty thực hiện điều chỉnh tăng doanh thu và giá vốn lũy kế từ năm 2016 chuyển sang do ghi nhận không đúng niên độ và đồng thời tăng chi phí nguyên phụ liệu từ năm 2012 – 2016 chưa hạch toán vào giá thành là 15,255 tỷ đồng. Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đối với một số nguyên phụ liệu tồn kho không có nhu cầu sử dụng, thành phẩm kém phẩm chất bị trả lại và không xuất tiêu thụ với tổng giá trị là 3.181.778.990 đồng.

b) Tình hình nợ phải trả

Mức dư nợ vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng đến 31/12/2017 là 45.700.843.728 đồng. Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động đúng mục đích, đáp ứng nhu cầu thanh toán nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất kinh doanh xuất khẩu.

Thực hiện theo quy chế quản lý nợ phải thu, phải trả của Tổng Công ty và quy định quản lý nợ, xử lý nợ của Công ty đã ban hành. Quản lý, theo dõi và phản ánh đầy đủ tình hình công nợ phải thu, phải trả chi tiết theo tuổi nợ đối với từng khách hàng.

Thường xuyên đôn đốc thu hồi công nợ kịp thời nhằm đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh và đề xuất thanh toán hợp lý các khoản phải trả cho khách hàng.

Thực hiện công tác đối chiếu, xác nhận công nợ phải thu, phải trả khách hàng tại thời điểm 31/12/2017.

- Các khoản phải thu: 25.695.368.012 đồng chiếm tỷ trọng 32% trên tổng tài sản của Công ty. Trong đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản công nợ phải thu quá hạn không có khả năng thu hồi là: 1.232.923.843 đồng.

- Các khoản phải trả: 81.577.097.276 đồng, bằng 103% trên tổng nguồn vốn của Công ty, cho thấy việc sử dụng vốn chủ sở hữu của Công ty là không hiệu quả, vốn nhà nước không được bảo toàn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức Công ty, hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần có tính chuyên môn hoá cao trong lĩnh vực may mặc truyền thống với trình độ quản lý tiên tiến, hiện đại so với các nước trong khu vực. Xây dựng và phát triển Công ty với mức tăng trưởng ổn định, bền vững và có tính cạnh tranh cao.

- Đào tạo và đào tạo lại để phát triển nguồn lực con người của Công ty mạnh về mọi mặt, đủ về số lượng với trình độ học vấn và tay nghề cao, phù hợp với cơ chế quản lý tiên tiến.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Định hướng:

- Chuyên môn hóa sản phẩm, ổn định sản xuất mặt hàng áo sơ mi nam cao cấp cho một phân xưởng, phân xưởng còn lại tập trung sản xuất hàng đồng phục và quần Khaki.

- Phát huy uy tín cao độ nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty ở trong nước và nước ngoài.

4.2 Chiến lược phát triển:

4.2.1 Chiến lược về thị trường.

Duy trì quy mô sản xuất như hiện tại; Tiếp tục tìm kiếm thêm khách hàng sản xuất BHLĐ, hàng đồng phục có năng lực lớn và hàng nội địa với các sản phẩm áo sơ mi, quần khaki định hướng ở thị trường xuất khẩu để có thể thay một số khách hàng có hiệu quả thấp. Thực hiện đồng bộ hệ thống Lean và ISO; làm tốt công tác đầu vào đảm bảo sản xuất luôn thông suốt, năng suất tăng, sản phẩm tái chế giảm; thời gian làm thêm của người lao động giảm. Chủ động lựa chọn NCC NPL với giá cả hợp lý tăng phần lãi thương mại, tăng lợi nhuận cho Công ty, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018.

4.2.2 Chiến lược tổ chức và phát triển doanh nghiệp: Điều kiện môi trường làm việc của CB-CNLD được cải thiện, công tác sản xuất tinh gọn triển khai tích cực làm chuyển biến tư tưởng, nhận thức từ cán bộ điều hành đến người lao động; hao phí, lãng phí giảm, năng suất tăng, chất lượng dần ổn định, thu nhập có chiều hướng tăng tạo sự gắn bó giữa người lao động với công ty

4.2.3 Chiến lược về đầu tư

- Tiếp tục đầu tư MMTB chuyên dùng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu SXKD phát triển với tốc độ cao, đảm bảo tất cả sản phẩm đảm bảo được yêu cầu kỹ thuật và đáp ứng được tiến độ giao hàng.

- Đầu tư và phát triển lĩnh vực sản xuất kinh doanh: cải tạo văn phòng, nhà nhà vệ sinh phân xưởng...

4.2.4 Chiến lược xây dựng, phát triển nguồn nhân lực.

- Đào tạo và đào tạo lại phát triển nguồn lực con người của Công ty mạnh về mọi mặt, đủ về số lượng với trình độ học vấn và tay nghề cao, phù hợp với cơ chế quản lý tiên tiến.

- Duy trì áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và chuyển đổi hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn SA 8000:2014, duy trì nghiêm các yêu cầu tiêu chuẩn WRAP, CTPAT nhằm hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp và thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động.

4.2.5 Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính.

- Xây dựng và phát triển nguồn lực về tài chính đảm bảo vốn cho đầu tư và SXKD.

4.2.6 Chiến lược ứng dụng tiến bộ về khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào công tác quản lý điều hành, tổ chức sản xuất: Xây dựng, áp dụng các loại hình quản lý, điều hành phù hợp với trình độ của các nước trong khu vực.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Về chỉ số vi khí hậu, tiếng ồn, ánh sáng, chỉ số bụi tổng, bụi hô hấp tại các vị trí làm việc và môi trường xung quanh đều đạt trong giới hạn cho phép theo quyết định số 3733-2002/QĐ – BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y Tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động

- Đối với khí thải phát sinh từ lò hơi, kết quả đo cho thấy: các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn cho phép, cụ thể:

+ Bụi tổng: Kết quả kiểm tra $31,7\text{mg}/\text{Nm}^3$ theo tiêu chuẩn TCVN 5067:1995

+ CO: Kết quả kiểm tra $575\text{mg}/\text{Nm}^3$ theo tiêu chuẩn TCVN 7242:2003

+ SO₂: Kết quả kiểm tra $42,4\text{mg}/\text{Nm}^3$ theo tiêu chuẩn TCVN 6750:2000

+ NO₂: Kết quả kiểm tra $36,3\text{mg}/\text{Nm}^3$ theo tiêu chuẩn TCVN 7172:2002

- Đối với nước thải, các chỉ tiêu đều đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Đối với chất thải nguy hại Công ty đã bố trí khu vực riêng để lưu chứa, Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất nguy hại số 48.0000065.T ngày 25/05/2009.

- Đối với rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp không nguy hại Công ty cũng đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng theo quy định.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Với tinh thần trách nhiệm cao trước cổ đông, người lao động và sự phát triển bền vững của Công ty, năm 2017, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng quản trị, giám sát, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT đánh giá cao công tác điều hành Ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2018 tình hình kinh tế trong nước tuy dự báo có nhiều thuận lợi

nhưng tiềm ẩn nhiều khó khăn. Tình hình thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến bất ổn, khó lường, đặc biệt là ngành dệt may xu hướng khó khăn.

Về phía Công ty: Nhận định tình hình thị trường, khách hàng, nguồn hàng và kế hoạch SXKD Công ty cơ bản ổn định. Dự kiến trong 6 tháng cuối năm, Công ty sẽ chuyển đổi mặt hàng sản xuất, là cơ sở để tăng năng suất, tăng thu nhập cho người lao động trong 6 tháng cuối năm.

Trong bối cảnh tình hình trên, HĐQT đề ra kế hoạch hoạt động như sau:

- Tăng cường công tác nắm tình hình, có định hướng nguồn hàng, khách hàng để đảm bảo ổn định sản xuất của Công ty. Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị của Công ty để đảm bảo sự phát triển bền vững. Tập trung vào thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT đối với Ban điều hành, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty theo định hướng chiến lược của Công ty và các quy định của Pháp luật, đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2018 được ĐHCĐ thường niên thông qua.

- Duy trì các phiên họp định kỳ 1 lần/quý, tổ chức các cuộc họp bất thường (nếu cần thiết) để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT. HĐQT sẽ nghe báo cáo tổng quát việc thực hiện các nhiệm vụ, ý kiến đề xuất của Công ty, thảo luận và quyết định thông qua các biện pháp, giải pháp và các vấn đề phát sinh của Công ty.

- Trên cơ sở quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông hôm nay, HĐQT sẽ tiếp tục cụ thể hóa nghị quyết thành các mục tiêu, kế hoạch. Đồng thời, chỉ đạo Ban điều hành Công ty thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018.

- Năm 2018, HĐQT sẽ cùng với Ban điều hành và người lao động tận dụng những thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn thách thức để giữ vững sự phát triển của Công ty, thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, HĐQT rất mong nhận được sự tin tưởng, gắn bó và đồng thuận trong mọi hoạt động của Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2015 - 2018 có 3 thành viên, gồm :

- | | | |
|-------------------------|---|-------------------------------|
| 1. Ông Hồ Anh Thứ | - | Chủ tịch |
| 2. Bà Hồ Thanh Thủy | - | Phó chủ tịch kiêm TGD công ty |
| 3. Ông Nguyễn Hồng Minh | - | Ủy viên HĐQT |

Hội đồng quản trị hoạt động theo nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ và nghị quyết của đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã tiến hành một số phiên họp chính thức và một số phiên không chính thức để lấy ý kiến và đưa ra các quyết định quan trọng thuộc thẩm quyền của HĐQT:

Phiên họp ngày 15/4/2017, tại phiên họp này HĐQT đã thảo luận và quyết định những nội dung sau:

- Thông qua kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán các

hạng mục công trình thuộc dự án Quảng Trị.

- Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty tư vấn thiết kế Kiến Tân thực hiện các công việc liên quan đến tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu xây dựng dự án Quảng Trị.

Phiên họp ngày 27/5/2017, tại phiên họp này HĐQT đã thảo luận và quyết định những nội dung sau:

- Thống nhất ủy quyền cho Bà Hồ Thanh Thủy – Phó chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Đà Nẵng để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phiên họp ngày 05/9/2017, tại phiên họp này HĐQT đã thảo luận và quyết định những nội dung sau:

- Thống nhất dừng dự án Quảng trị theo chỉ đạo của Chủ tịch – Tổng Giám đốc Tổng công ty 28 tại nội dung văn bản số 839/TCT-BDS ngày 28/8/2017. Giao cho Tổng Giám đốc chỉ đạo các bộ phận liên quan phối hợp với Phòng KD BDS Tổng Công ty 28 và Công ty Xây lắp Thành An 96 chốt khối lượng dự án đã thực hiện. Liên hệ, tìm kiếm đối tác chuyển nhượng dự án theo quy định để thu hồi vốn.

Phiên họp ngày 18/11/2017, tại phiên họp này HĐQT đã thảo luận và quyết định những nội dung sau:

- Triển khai chấn chỉnh, khắc phục một số sai phạm trong công tác quản lý, điều hành của Công ty sau khi có kết luận của đoàn kiểm tra nghiệp vụ Tổng Công ty 28.

- Một số nội dung công việc liên quan đến công tác điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Phiên họp ngày 02/01/2018, tại phiên họp này HĐQT đã thảo luận và quyết định những nội dung sau:

- Thống nhất thông qua nhân sự tại một số vị trí cán bộ chủ chốt của Công ty.

- Đánh giá kết quả SXKD năm 2017 của Công ty và một số nội dung công việc liên quan đến công tác điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty trước trong và sau Tết Nguyên Đán.

Phiên họp ngày 19/01/2018, tại phiên họp này HĐQT đã thảo luận và quyết định những nội dung sau:

- Thống nhất phương án đầu tư mới 100 máy may 1 kim Juki thay thế cho máy 1 kim cũ để phục vụ sản xuất.

- Thống nhất ủy quyền cho Ông Nguyễn Quyết Thắng – Tổng Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Đà Nẵng để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phiên họp ngày 8/02/2018, tại phiên họp này HĐQT đã thảo luận và quyết định những nội dung sau:

- Thống nhất một số nội dung liên quan đến công tác xử lý số liệu tài chính tại thời điểm 31/12/2017: Hạch toán bổ sung chi phí nguyên phụ liệu vào

giá vốn; trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, công nợ khó đòi; xử lý số công nợ phải thu, phải trả chênh lệch giữa sổ sách và thực tế ...

Phiên họp ngày 10/4/2018, tại phiên họp này HĐQT đã thảo luận và quyết định những nội dung sau:

Thảo luận và thống nhất một số nội dung báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018:

+ Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017, Kế hoạch SXKD và các giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD 2018.

+ Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017

+ Báo cáo của ban kiểm soát về hoạt động kiểm soát năm 2017.

+ Tờ trình thu hồi cổ tức, hoàn quỹ, thu hồi thù lao HĐQT, BKS từ năm 2012 đến năm 2016.

+ Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2017 (đã kiểm toán); Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

- Ngô Thị Hương - tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 0,00%
- Đỗ Thị Thương - tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 0,00%
- Lê Thị Hiền - tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 0,065%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát.

- Số lượng cuộc họp ban kiểm soát: 5

- Nội dung: + Bầu trưởng ban kiểm soát

+ Họp đánh giá kết quả giám sát Quý I

+ Họp đánh giá kết quả giám sát Quý II

+ Họp đánh giá kết quả giám sát Quý III

+ Họp đánh giá kết quả giám sát năm 2017 và kế hoạch làm việc 2018.

- Kết quả của các cuộc họp: Thống nhất với kết quả hoạt động SXKD của công ty hàng quý và năm 2017 theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Các hoạt động của Công ty tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty không có lợi nhuận nên không thực hiện chi trả các khoản thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành.

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện trích nộp Quỹ thù lao Ban điều hành Tổng công ty 28 theo TB 412 (11/05/2015) của Tổng công ty 28 (1 quý là: 3.645.000 đồng). Tổng cộng 4 quý là : $3.645.000 \times 4 = 14.580.000$ đồng

VI. Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính đã kiểm toán được đính kèm.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY *Qu*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quyết Thắng



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area,
Phước Hải Ward, Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 3.0097/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN 28 ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Nha Trang



Phan Thị Ngọc Trâm – Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0979-2018-008-1

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thị Minh Hà - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2743-2014-008-1